

THÌ HIỆN TẠI TIẾP DIỄN

A. GRAMMAR:

I. FORM:

	VERB	EXAMPLES
AFFIRMATIVE FORM	S + BE + V-ING	<i>She is listening to music.</i>
NEGATIVE FORM	S + BE + NOT + V-ING	<i>She is not listening to music.</i>
INTERROGATIVE FORM	BE + S + V-ING ...?	<i>Is she listening to music</i>
	NO, S + BE + NOT	- <i>No, she isn't.</i>

2. USAGE:

a) Diễn tả hành động, sự việc xảy ra ngay tại thời điểm nói hoặc xung quanh thời điểm nói.

Ex: Where's Mary?

She's having a bath.

b) Diễn tả sự không hài lòng hay phàn nàn về việc gì, sử dụng với "always".

Ex: He is always coming late.

III. NOTES:

1) Cách thêm "ING" sau động từ:

a) Động từ tận cùng bằng "e" (e câm) thì bỏ e trước khi thêm "ing"

Ex: live – living come - coming

b) Động từ có chữ cái cuối cùng là 1 phụ âm mà trước nó là 1 nguyên âm thì ta nhân đôi phụ âm tận cùng trước khi thêm "ing"

Ex: run - running

Nhưng: meet - meeting (không gấp đôi t vì có 2 Nguyên âm "e" đi trước)

c) Động từ tận cùng bằng "ie" thì đổi thành "y" rồi thêm "ing"

Ex: lie - lying

die - dying

*** IMPORTANT NOTES (lưu ý quan trọng)**

Phần lý thuyết trên đây chỉ là những phần **RẤT CƠ BẢN** về thì hiện tại tiếp diễn mà cô nghĩ là sẽ phù hợp với HS lớp 3. Trên thực tế lý thuyết về thì hiện tại tiếp diễn sẽ nhiều nội dung hơn và khó hơn, sau này các con sẽ dần dần được các cô hướng dẫn thêm để phù hợp với từng giai đoạn học tập khác nhau nhé.

2) Thường dùng với các từ/cụm từ chỉ thời gian như:

- + *Now, right now, at the moment* (lúc này)
- + *At present* (hiện nay)
- + *at the moment/ this time*
- + *listen!/ look!*
- + *WHERE + BE + S ?*

3) Một số động từ KHÔNG chia ở HTTD

know	
understand	love/ like
enjoy	smell
need	want

Con đã nắm được thì Hiện tại đơn chưa? (điền Yes or No)